

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BIÊN HÒA
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 11/2025/KDTM-ST
Ngày: 04/3/2025
V/v “*Tranh chấp hợp đồng cho thuê tài chính*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BIÊN HÒA, TỈNH ĐỒNG NAI**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Thị Thanh Thủy.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Văn Chánh.

Bà Nguyễn Thị Kim Chi.

Thư ký phiên tòa: Bà La Nguyễn Minh Thi - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố B tham gia phiên tòa: Bà Trương Thị Mỹ L - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 3 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai mở phiên tòa xét xử công khai vụ án kinh doanh thương mại sơ thẩm thụ lý số: 73/2024/TLST-KDTM ngày 14 tháng 5 năm 2024 về “*Tranh chấp hợp đồng cho thuê tài chính*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2025/QĐXXST-KDTM ngày 03 tháng 01 năm 2025, Quyết định hoãn phiên tòa số: 28/2025/QĐST-KDTM ngày 21/01/2025 và Thông báo mở lại phiên tòa số 123/2025/TB-TA ngày 06/02/2025; giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Công ty C2.

Địa chỉ: Tầng B, Cao ốc S, số C T, phường B, Quận A, thành phố Hồ Chí Minh

Người đại diện theo pháp luật: Ông C, Y – C, chức vụ: Tổng giám đốc

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Phạm Tiến T.

Địa chỉ: Tầng B, Saigon Trade C1, số C T, phường B, quận A, thành phố Hồ Chí Minh.

Văn bản ủy quyền ngày 15/12/2023.

- *Bị đơn*: Công ty TNHH MTV Đ.

Địa chỉ: Số B, khu phố B, đường C, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Hà H, sinh năm 1969.

Địa chỉ: Số B, tổ H, khu phố B, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*: Ông Hà H, sinh năm 1969.

Địa chỉ: Số B, tổ H, khu phố B, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

(ông T có mặt, Công ty TNHH MTV Đ và ông H vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Giữa Công ty TNHH MTV Đ và Công ty C2 có ký Hợp đồng cho thuê tài chính số B220306201 ngày 28/3/2022 và số B220614301 ngày 14/6/2022 (sau đây gọi tắt là “*Hợp đồng thuê*”). Theo đó, tài sản mà Công ty TNHH MTV Đ có nhu cầu thuê tài chính là: 01 ô tô tải (tự đổ) biển số 50LD-147.83, 01 ô tô tải (tự đổ) biển số 50LD-148.35 và 01 ô tô tải tự đổ biển số 50LD-191.26.

Ngoài ra, để đảm bảo cho việc nghĩa vụ thanh toán tiền thuê của bên thuê trong Hợp đồng thuê, Công ty C2 có chấp nhận Thư bảo lãnh cá nhân của ông Hà H ký ngày 28/3/2022 và ngày 14/6/2022.

Để thực hiện Hợp đồng thuê, Công ty C2 thuê tài chính TNHH MTV Quốc tế C2 đã ký hợp đồng mua bán số B220306201-PC ngày 28/3/2022 và số B220614301-PC ngày 14/6/2022 để mua Tài sản thuê nêu trên. Công ty TNHH MTV Đ Hưng Hoàng L1 đã ký biên bản bàn giao và nghiệm thu tài sản ngày 31/3/2022 và 18/6/2022.

Tổng giá trị của Tài sản thuê, số tiền mà Công ty TNHH MTV Đ Hưng Hoàng L1 trả trước (“*Tiền trả trước*”), số tiền mà công ty C2 tài trợ (“*Giá trị thuê*”) cụ thể như sau (đơn vị tính: Việt Nam đồng):

Hợp đồng thuê	Tổng giá trị Tài sản thuê	Tiền trả trước	Giá trị thuê
B220306201	1.550.000.000	310.000.000	1.240.000.000
B220614301	622.800.000	124.560.000	498.240.000
Tổng cộng	2.172.800.000	434.560.000	1.738.240.000

Hằng tháng, Công ty TNHH MTV Đ phải thanh toán cho Công ty C2 thuê bao gồm một phần Vốn gốc và khoản tiền lãi được tính trên dư nợ giảm dần cho đến khi trả đủ số tiền Vốn gốc mà Công ty C2 đã tài trợ cùng các khoản lãi theo Hợp đồng thuê. Trước khi Công ty TNHH MTV Đ trả hết toàn bộ Vốn gốc cùng các khoản lãi, Công ty C2 vẫn là chủ sở hữu của Tài sản thuê và là người đứng tên trên toàn bộ các hóa đơn, chứng từ, các giấy tờ pháp lý khác liên quan đến quyền sở hữu, v.v. đối với Tài sản thuê. Nếu Công ty TNHH MTV Đ vi phạm nghĩa vụ thanh toán Tiền thuê, hay vi phạm bất cứ một điều khoản hoặc điều kiện nào của Hợp đồng thuê, hay bị mất khả năng thanh toán, Công ty C2 đều có quyền chấm dứt Hợp đồng thuê trước thời hạn, thu hồi Tài sản thuê và yêu cầu Công ty TNHH MTV Đ bồi thường thiệt hại (nếu có).

Toàn bộ các tài sản thuê hiện tại đều do Công ty TNHH MTV Đ quản lý, sử dụng.

Trong quá trình thực hiện Hợp đồng thuê, Công ty TNHH MTV Đ thường xuyên thanh toán không đúng hạn, mặc dù Công ty C2 nhiều lần yêu cầu thanh toán.

Ngày 22/8/2023, Công ty C2 đã thu hồi tài sản thuê là 01 ô tô tải (tự độ) biển số 50LD-148.35 và thanh lý với giá 270.000.000đ. Trong đó, số tiền 13.433.334đ căn trừ chi phí vận chuyển, thu hồi, kho bãi; còn lại số tiền 256.566.666đ căn trừ vào tiền nợ gốc. Đồng thời Công ty C2 đã dùng số tiền ký cược bảo đảm của Công ty TNHH MTV Đ là 232.500.000đ đối với Hợp đồng cho thuê tài chính số B220306201 ngày 28/3/2022 và số tiền 93.420.000đ đối với Hợp đồng cho thuê tài chính số B220614301 ngày 14/6/2022 để căn trừ khoản nợ.

Vì vậy, Công ty C2 khởi kiện yêu cầu giải quyết những nội dung sau:

Buộc Công ty TNHH MTV Đ thanh toán cho Công ty C2 số tiền thuê mà Công ty TNHH MTV Đ còn nợ (tạm tính đến ngày 04/3/2025) là **1.018.365.793đ**. Trong đó, nợ gốc là 617.860.006đ, nợ lãi 220.376.536đ, lãi chậm trả 180.129.251đ.

Buộc Công ty TNHH MTV Đ thanh toán cho Công ty C2 tiền lãi chậm thanh toán phát sinh từ ngày 05/3/2025 tính trên nợ gốc với mức lãi suất quy định tại Hợp đồng thuê cho đến khi thanh toán xong nợ gốc.

Trường hợp thanh toán không đầy đủ số nợ nêu trên, buộc Công ty TNHH MTV Đ giao trả Tài sản thuê để xử lý, đảm bảo thi hành án.

Trường hợp số tiền thu được từ việc xử lý Tài sản thuê không đủ thanh toán các khoản nợ của Công ty TNHH MTV Đ với Công ty C2 thì buộc Công ty TNHH MTV Đ Hưng Hoàng L1 tiếp tục thanh toán số tiền thuê còn nợ.

Trường hợp Công ty TNHH MTV Đ không thanh toán được số tiền thuê còn nợ hoặc không giao trả tài sản thuê, buộc ông Hà H thực hiện nghĩa vụ thanh toán cho Công ty C2 theo nội dung Thư bảo lãnh đã ký cho đến khi thanh toán hết toàn bộ số tiền thuê còn nợ.

Tại bản tự khai, đại diện theo pháp luật của bị đơn và là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày:

Giữa Công ty TNHH MTV Đ (sau đây gọi tắt là Công ty Đ) và Công ty C2 (sau đây gọi tắt là Công ty C2) có ký Hợp đồng cho thuê tài chính số B220306201 ngày 28/3/2022 và số B220614301 ngày 14/6/2022.

Quá trình thực hiện hợp đồng, đến ngày 25/4/2023, Công ty Đ đã cho một đơn vị khác thuê lại 03 chiếc ô tô tải (tự đổ) biển số 50LD-147.83, 50LD-148.35 và 50LD-191.26. Đơn vị này đã không thanh toán nên Công ty Đ đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán với Công ty C2. Ngày 22/8/2023, Công ty Đ đã lấy lại được 01 xe ô tô tải (tự đổ) biển số 50LD-148.35 để Công ty C2 và cân trừ nợ. Sau khi trừ tiền ký cược, Công ty Đ còn nợ Công ty C2 số tiền tính đến ngày 21/10/2024 là 617.860.006đ nợ gốc. Công ty Đ đề nghị Công ty C2 giảm toàn bộ tiền lãi cho Công ty Đ.

Đối với yêu cầu xử lý tài sản thuê, do Công ty Đ cho đơn vị thứ 3 thuê lại bằng giấy tay nên đề nghị Công ty C2 cho Công ty Đ cho thời gian để Công ty Đ thu hồi lại xe.

Với tư cách cá nhân bảo lãnh cho Công ty Đ vay tiền, ông H đồng ý thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh theo nội dung thư bảo lãnh đã ký kết.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa tại phiên tòa:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên Tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đảm bảo đúng quy định pháp luật. Nguyên đơn chấp hành đúng các thủ tục theo quy định pháp luật.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty C2, buộc bị đơn Công ty TNHH MTV Đ Hưng Hoàng L1 phải trả cho Công ty C2 số tiền còn nợ (tạm tính đến ngày 04/3/2025) là **1.018.365.793đ**. Trong đó, nợ gốc là 617.860.006đ, nợ lãi 220.376.536đ, lãi chậm trả 180.129.251đ và tiếp tục thanh toán tiền lãi chậm trả phát sinh từ ngày 05/3/2025 tính trên nợ gốc với mức lãi suất quy định tại Hợp đồng thuê cho đến khi thanh toán xong nợ gốc.

Trường hợp thanh toán không đầy đủ số nợ nêu trên, buộc Công ty TNHH MTV Đ giao trả Tài sản thuê để xử lý, đảm bảo thi hành án.

Trường hợp số tiền thu được từ việc xử lý Tài sản thuê không đủ thanh toán các khoản nợ của Công ty TNHH MTV Đ với Công ty C2 thì buộc Công ty TNHH MTV Đ Hưng Hoàng L1 tiếp tục thanh toán số tiền thuê còn nợ.

Trường hợp Công ty TNHH MTV Đ không thanh toán được số tiền thuê còn nợ hoặc không giao trả tài sản thuê, buộc ông Hà H thực hiện nghĩa vụ thanh toán cho Công ty C2 theo nội dung Thư bảo lãnh đã ký cho đến khi thanh toán hết toàn bộ số tiền thuê còn nợ.

Về án phí: Bị đơn phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về xác định quan hệ pháp luật tranh chấp: Công ty C2 (sau đây gọi tắt là Công ty C2) khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc Công ty TNHH MTV Đ (sau đây gọi tắt là Công ty Đ) phải thanh toán số tiền theo hợp đồng thuê tài chính giữa các bên. Vì vậy, xác định quan hệ pháp luật là “Tranh chấp hợp đồng cho thuê tài chính” theo quy định tại Điều 472 Bộ luật dân sự năm 2015.

[1.2] Về thẩm quyền: Bị đơn có trụ sở tại thành phố B, tỉnh Đồng Nai nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[1.3] Về sự vắng mặt của đương sự: Bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Hà H đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[2.1] Xét yêu cầu về tiền gốc:

Giữa Công ty C2 và Công ty Đ có ký kết 02 hợp đồng cho thuê tài chính số B220306201 ngày 28/3/2022 và số B220614301 ngày 14/6/2022, tài sản để thuê tài chính là: 01 ô tô tải (tự đổ) biển số 50LD-147.83, 01 ô tô tải (tự đổ) biển số 50LD-148.35 và 01 ô tô tải tự đổ biển số 50LD-191.26. Công ty C2 đã thực hiện giải ngân cho các hợp đồng thuê, cụ thể: Hợp đồng thuê số B220306201 số tiền

1.240.000.000đ, hợp đồng thuê số B220614301 số tiền 498.240.000đ, tổng cộng 1.738.240.000đ.

Tính đến ngày 04/3/2025, Công ty Đ còn nợ Công ty C2 số tiền nợ gốc là 617.860.006đ (trong đó, hợp đồng thuê số B220306201 số tiền 337.600.006đ, hợp đồng thuê số B220614301 số tiền 280.260.000đ).

Điều 26.2.4 tại các hợp đồng thuê các bên thỏa thuận: “*Hợp đồng thuê có thể chấm dứt trước thời hạn nếu xảy ra một trong các trường hợp vi phạm sau đây: ... Bên thuê không thanh toán tiền thuê như quy định tại Điều 7 và/hoặc các khoản tiền khác quy định trong hợp đồng thuê trong vòng năm ngày kể từ ngày đến hạn*”. Điều 481 Bộ luật dân sự quy định: “*1. Bên thuê phải trả đủ tiền thuê đúng thời hạn đã thỏa thuận... 2. Trường hợp các bên thỏa thuận việc trả tiền thuê theo kỳ hạn thì bên cho thuê có quyền đơn phương chấm dứt thực hiện hợp đồng, nếu bên thuê không trả tiền trong ba kỳ liên tiếp, trừ trường hợp có thỏa thuận khác hoặc pháp luật có quy định khác*”.

Quá trình thực hiện hợp đồng thuê tài chính, Công ty Đ đã nhiều lần vi phạm nghĩa vụ thanh toán với Công ty C2, việc này Công ty Đ cũng thừa nhận.

Tính đến ngày 04/3/2025, Công ty Đ còn nợ Công ty C2 số tiền nợ gốc là 617.860.006đ (trong đó, hợp đồng thuê số B220306201 số tiền 337.600.006đ, hợp đồng thuê số B220614301 số tiền 280.260.000đ).

Do đó, HĐXX xét thấy yêu cầu khởi kiện của Công ty C2 về việc buộc Công ty Đ thanh toán số tiền gốc là 617.860.006đ là có cơ sở chấp nhận.

[2.2] Xét yêu cầu về tiền lãi:

Điều 6.7 tại các hợp đồng cho thuê tài chính, các bên thỏa thuận: *Trong trường hợp bên thuê không thanh toán tiền vốn gốc và thuế GTGT (nếu có) đúng hạn ..., bên thuê phải thanh toán tiền lãi quá hạn được tính trên phần vốn gốc và thuế GTGT (nếu có) quá hạn thanh toán với mức lãi suất quá hạn bằng 1,5 lần lãi suất thuê trong hạn...* Điều 6.8 tại các hợp đồng cho thuê tài chính, các bên thỏa thuận: *Trong trường hợp bên thuê không thanh toán tiền lãi thuê đúng hạn, bên thuê phải thanh toán tiền lãi chậm thanh toán được tính trên tiền lãi thuê không thanh toán đúng hạn với mức lãi suất bằng 10%/năm...*

Tại Phần 3 Phụ lục số 01 hợp đồng cho thuê tài chính số B220306201 ngày 28/3/2022 các bên thỏa thuận: *lãi suất thuê trước ngày bắt đầu thuê áp dụng lãi suất thả nổi như sau: lãi suất tạm thời là 365 ngày 12,07%, 360 ngày 11,90%; lãi suất thuê sau ngày bắt đầu thuê áp dụng lãi suất thả nổi như sau: lãi suất tiêu chuẩn VND 365 ngày 12,07%, 360 ngày 11,90%.* Tại Phần 3 Phụ lục số 01 hợp đồng cho thuê tài chính số B220614301 ngày 14/6/2022 các bên thỏa thuận: *lãi*

suất thuê trước ngày bắt đầu thuê áp dụng lãi suất thả nổi như sau: lãi suất tạm thời là 365 ngày 12,23%, 360 ngày 12,06%; lãi suất thuê sau ngày bắt đầu thuê áp dụng lãi suất thả nổi như sau: lãi suất tiêu chuẩn VND 365 ngày 12,23%, 360 ngày 12,06%.

Xét thấy, việc thỏa thuận lãi của các bên là tự nguyện. Quá trình thực hiện hợp đồng, Công ty Đ đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán tiền lãi và gốc. Do đó, yêu cầu khởi kiện của Công ty C2 buộc Công ty Đ phải thanh toán số tiền lãi trong hạn tính đến ngày 04/3/2025 là 220.376.536đ (trong đó, hợp đồng thuê số B220306201 số tiền 148.403.895đ, hợp đồng thuê số B220614301 số tiền 71.972.641đ), tiền lãi chậm trả tính đến ngày 04/3/2025 là 180.129.251đ (trong đó, hợp đồng thuê số B220306201 số tiền 108.456.937đ, hợp đồng thuê số B220614301 số tiền 71.672.314đ) và tiếp tục trả tiền lãi chậm thanh toán phát sinh từ ngày 05/3/2025 cho đến khi thanh toán hết toàn bộ nợ vay cho Công ty C2 theo Lãi suất thỏa thuận tại các hợp đồng cho thuê tài chính đã ký kết là có cơ sở chấp nhận.

Tổng cộng số tiền Công ty Đ phải thanh toán cho Công ty C2 tính đến ngày 04/3/2025 là **1.018.365.793đ**. Trong đó, nợ gốc là 617.860.006đ, nợ lãi 220.376.536đ, lãi chậm trả 180.129.251đ.

[2.3] Đối với yêu cầu xử lý tài sản thuê:

Điều 29 tại các hợp đồng cho thuê tài chính, các bên thỏa thuận: *Trừ khi bên thuê chọn mua tài sản thuê như quy định tại Điều 25, khi chấm dứt hợp đồng thuê trước hạn vì bất cứ lý do gì, bên thuê sẽ chịu trách nhiệm hoàn trả tài sản thuê cho bên cho thuê.*

Quá trình thực hiện hợp đồng thuê tài chính, Công ty Đ đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán dẫn đến việc chấm dứt hợp đồng thuê. Do đó, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty C2 về việc buộc bị đơn Công ty Đ giao trả các tài sản thuê gồm: 01 ô tô tải (tự đổ) biển số 50LD-147.83 (theo hợp đồng cho thuê tài chính số B220306201 ngày 28/3/2022) và 01 ô tô tải tự đổ biển số 50LD-191.26 (theo hợp đồng cho thuê tài chính số B220614301 ngày 14/6/2022) là có cơ sở chấp nhận.

[2.4] Đối với yêu cầu thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh:

Khoản 1 Điều 335 Bộ luật dân sự quy định: *Bảo lãnh là việc người thứ ba (sau đây gọi là bên bảo lãnh) cam kết với bên có quyền (sau đây gọi là bên nhận bảo lãnh) sẽ thực hiện nghĩa vụ thay cho bên có nghĩa vụ (sau đây gọi là bên được bảo lãnh), nếu khi đến thời hạn thực hiện nghĩa vụ mà bên được bảo lãnh không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ.* Khoản 1 Điều 298 Bộ luật dân sự quy định: *Biện pháp bảo đảm được đăng ký theo thỏa thuận hoặc theo quy định*

của luật. Việc đăng ký là điều kiện để giao dịch bảo đảm có hiệu lực chỉ trong trường hợp luật có quy định. Điều 4 Nghị định số 102/2017/NĐ-CP ngày 01/9/2017 của Chính phủ quy định về đăng ký biện pháp bảo đảm quy định: Các biện pháp bảo đảm sau đây phải đăng ký: a) Thế chấp quyền sử dụng đất; b) Thế chấp tài sản gắn liền với đất trong trường hợp tài sản đó đã được chứng nhận quyền sở hữu trên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất; c) Cầm cố tàu bay, thế chấp tàu bay; d) Thế chấp tàu biển.

Ngày 28/3/2022, ông Hà H đã thỏa thuận bảo lãnh thực hiện nghĩa vụ cho Công ty Đ với Công ty C2 đối với hợp đồng cho thuê tài chính số B220306201 ngày 28/3/2022. Ngày 14/6/2022 ông Hà H đã thỏa thuận bảo lãnh thực hiện nghĩa vụ cho Công ty Đ với Công ty C2 đối với hợp đồng cho thuê tài chính số B220614301 ngày 14/6/2022. Xét thấy, việc cam kết bảo lãnh của ông H là tự nguyện, không trái với quy định pháp luật. Khoản 1 Điều 342 Bộ luật dân sự quy định: *Trường hợp bên được bảo lãnh không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ thì bên bảo lãnh phải thực hiện nghĩa vụ đó.* Quá trình thực hiện hợp đồng thuê tài chính, Công ty Đ đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán dẫn đến việc chấm dứt hợp đồng thuê. Do đó, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty C2 về việc buộc ông Hà H thực hiện nghĩa vụ thanh toán cho Công ty C2 theo nội dung thư bảo lãnh đã ký kết là có cơ sở chấp nhận.

Đối với số tiền ký cược bảo đảm: Điều 13.3 tại các hợp đồng cho thuê tài chính, các bên thỏa thuận: *Tiền ký cược bảo đảm sẽ được dùng để cán trừ cho khoản tiền thuê còn lại, do CILC toàn quyền quyết định, khi tiền ký cược bảo đảm bằng hoặc lớn hơn các khoản tiền thuê còn lại.* Do đó, ý kiến Công ty C2 về việc dùng số tiền ký cược bảo đảm của Công ty TNHH MTV Đ là 232.500.000đ đối với Hợp đồng cho thuê tài chính số B220306201 ngày 28/3/2022 và số tiền 93.420.000đ đối với Hợp đồng cho thuê tài chính số B220614301 ngày 14/6/2022 để cán trừ khoản nợ là có cơ sở chấp nhận.

Đối với ý kiến bị đơn về việc đã cho đơn vị thứ ba thuê lại tài sản thuê: Tòa án đã yêu cầu bị đơn cung cấp thông tin đơn vị thuê tài sản và hợp đồng thuê tài sản, tuy nhiên bị đơn không cung cấp, do đó, HĐXX không xem xét, giải quyết.

[3] Về án phí: Do toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận, nên bị đơn Công ty Đ phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là 42.550.974đ ((36.000.000đ + 3% (1.018.365.793đ – 800.000.000đ)). Hoàn trả cho Công ty C2 tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[4] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 91; Điều 92; khoản 1 Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 266; Điều 271; khoản 1 Điều 273, khoản 1 Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Áp dụng Điều 298; Điều 335; Điều 342; Điều 472; Điều 481 Bộ luật dân sự;

- Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty TNHH MTV C2 về việc “*Tranh chấp hợp đồng cho thuê tài chính*” đối với bị đơn Công ty TNHH MTV Đ.

- Buộc Công ty TNHH MTV Đ có nghĩa vụ thanh toán cho Công ty TNHH MTV C2 số tiền tính đến ngày 04/3/2025 là 594.460.838đ (Năm trăm chín mươi bốn triệu bốn trăm sáu mươi ngàn tám trăm ba mươi tám đồng) theo hợp đồng cho thuê tài chính số B220306201 ngày 28/3/2022. Trong đó, nợ gốc là 337.600.006đ, nợ lãi 148.403.895đ, lãi chậm trả 108.456.937đ.

- Buộc Công ty TNHH MTV Đ có nghĩa vụ thanh toán cho Công ty TNHH MTV C2 số tiền tính đến ngày 04/3/2025 là 423.904.955đ (Bốn trăm hai mươi ba triệu chín trăm lẻ bốn ngàn chín trăm năm mươi lăm đồng) theo hợp đồng cho thuê tài chính số B220614301 ngày 14/6/2022. Trong đó, nợ gốc là 280.260.000đ, nợ lãi 71.972.641đ, lãi chậm trả 71.672.314đ.

Kể từ ngày 05/3/2025, Công ty TNHH MTV Đ còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi của số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận tại các hợp đồng cho thuê tài chính trên cho đến khi thanh toán xong.

Trường hợp Công ty TNHH MTV Đ thanh toán không đầy đủ số nợ trên, Công ty TNHH MTV Đ phải giao trả các tài sản thuê để Công ty TNHH MTV C2 xử lý, thu hồi nợ, bao gồm: 01 ô tô tải (tự đổ) biển số 50LD-147.83 (theo hợp đồng cho thuê tài chính số B220306201 ngày 28/3/2022) và 01 ô tô tải tự đổ biển số 50LD-191.26 (theo hợp đồng cho thuê tài chính số B220614301 ngày 14/6/2022).

Trường hợp Công ty TNHH MTV Đ Hưng Hoàng L1 không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ số nợ trên và không giao trả tài sản thuê, ông Hà H phải liên đới thực hiện nghĩa vụ thanh toán cho Công ty TNHH MTV C2 theo nội

dung thư bảo lãnh ngày 28/3/2022 và ngày 14/6/2022 cho đến khi thanh toán hết toàn bộ số tiền còn nợ.

Về án phí:

- Công ty Công ty TNHH MTV Đ phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là 42.550.974đ (Bốn mươi hai triệu năm trăm năm mươi ngàn chín trăm bảy mươi bốn đồng). Hoàn trả cho Công ty TNHH MTV C2 số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 28.018.062đ (Hai mươi tám triệu không trăm mười tám ngàn không trăm sáu mươi hai đồng) theo biên lai thu số 0003658 ngày 09 tháng 5 năm 2024 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Về quyền kháng cáo, kháng nghị đối với bản án:

Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ. Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp, Viện kiểm sát nhân dân cấp trên được quyền kháng nghị bản án theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh ĐN;
- VKSND TP. Biên Hòa;
- CCTHADS TP. Biên Hòa;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Thị Thanh Thủy